

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/DS-ST

Ngày: 05 – 5 – 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Ông **Võ Hoàng Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Cô **Lê Hồng Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 422/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S;**

Địa chỉ: số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh Thảo**, sinh năm 1987 (theo giấy ủy quyền số 253/2020/UQ-CNCT ngày 26/02/2020).

Địa chỉ: 72/2B ấp A, xã A, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:*

Ông **Cừu Văn S**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: 194/8 N, phường X, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 07-11-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 19/4/2017, ông Cừ Văn S có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với lãi suất quy định tại thời điểm là 2,5%/tháng. Căn cứ thu nhập của ông Cừ Văn S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Cừ Văn S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.450.000.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.120.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Cừ Văn S không có thiện chí trả nợ Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 30/9/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng.

Tính đến ngày 05/5/2021 ông Cừ Văn S còn nợ tổng cộng là 31.373.794 đồng, trong đó: *Nợ gốc: 17.459.920 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 13.913.874 đồng (mười ba triệu chín trăm mười ba ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng).* Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TPCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Cừ Văn S phải trả số nợ còn nợ vừa nêu và buộc ông Cừ Văn S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/5/2021 cho đến khi ông S trả dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

** Tại bản tự khai đề ngày 16-4-2021 bị đơn ông Cừ Văn S trình bày:*

Vào ngày 06/4/2017, ông có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng – loại thẻ JCB Motor Card Classic. NOT ISSUE (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng

với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.450.000. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.120.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông không có khả năng trả nợ. Do ông vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 2 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), ngày 14/8/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 23 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Tính đến ngày 26/9/2019 ông còn nợ các khoản nợ sau: Nợ gốc 17.459.920 đồng, nợ lãi quá hạn 18.050.068 đồng.

Nay ông thống nhất trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, về thời gian và cách trả nợ đề nghị giải quyết tại giai đoạn Thi hành án. Do điều kiện công việc đi lại khóa khản nên ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông, ông cam kết sẽ không khiếu nại gì về nội dung tự khai.

Tòa án đã thực hiện việc triệu tập các đương sự đến để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên không thực hiện được thủ tục hòa giải, sau đó bị đơn có tự khai và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Cừ Văn S trả số nợ gốc và lãi còn lại tính đến ngày 05/5/2021 là 31.373.794 đồng, trong đó: *Nợ gốc: 17.459.920 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 13.913.874 đồng (mười ba triệu chín trăm mười ba ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng)* và buộc ông Cừ Văn S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/5/2021 cho đến khi ông S trả dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26 về thẩm quyền giải quyết vụ án; Điều 68 về tư cách tham gia tố tụng; Điều 195, Điều 196 về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự, vụ án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội

đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 49 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên áp dụng điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về giải quyết vụ án: Ngày 19/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Cừ Văn S có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiểm hợp đồng. Theo đó, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Sacombank visa cho ông S với hạn mức 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.450.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông S có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.120.000 đồng, sau đó ông S ngưng không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Cừ Văn S, yêu cầu ông S có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Cừ Văn S trả nợ nhưng ông S vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Cừ Văn S xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, ngày 16/4/2021 ông S có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến thừa nhận số tiền nợ ngân hàng và đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về nợ gốc và lãi phát sinh, đây là tình tiết không phải chứng minh.

Về lãi suất, ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả lãi đến ngày xét xử theo thỏa thuận giữa các bên đã được ghi nhận trong hợp đồng. Xét thấy, theo quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cho phép các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy, sự thỏa thuận của các bên về lãi suất đã được ghi nhận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả lãi là có cơ sở.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Cừ Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 31.373.794 đồng trong đó: *Nợ gốc: 17.459.920 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 13.913.874 đồng (mười ba triệu chín trăm mười ba ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng).*

Tòa án tính án phí theo quy định.

Trên đây là quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

[1] *Về thủ tục*: Ông Cừ Văn S đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân quận N xét xử vắng mặt ông S theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 07/11/2019, thể hiện Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S có cho ông Cừ Văn S cấp thẻ tín dụng hạn mức 15 triệu đồng, do bị đơn ngưng trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc và lãi còn lại, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông S có địa chỉ tại quận N, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 07-11-2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch cho vay. Theo hợp đồng thể hiện bị đơn đã kích hoạt và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn với tổng số tiền giao dịch là 24.450.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông S có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng gốc và lãi. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thực hiện được nghĩa vụ với Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 19.120.000 đồng thì ngưng. Kể từ ngày 30/9/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng đối với bị đơn và chuyển toàn bộ số tiền nợ chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Do vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân quận N buộc bị đơn ông Cừ Văn S phải thanh toán các khoản nợ gốc và lãi còn lại tính đến ngày 05/5/2021 là 31.373.794 đồng, trong đó: *Nợ gốc: 17.459.920 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 13.913.874 đồng (mười ba triệu chín trăm mười ba ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng)* và buộc ông Cừ Văn S có trách nhiệm thanh toán khoản

lãi phát sinh từ ngày 06/5/2021 cho đến khi ông S trả dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ.

Đối với bị đơn, theo bản tự khai ngày 16-4-2021 bị đơn cũng thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, có thực hiện giao dịch và ngưng thanh toán nợ theo trình bày của nguyên đơn là đúng. Bị đơn thống nhất trả nợ cho Ngân hàng theo đơn khởi kiện của ngân hàng nhưng yêu cầu thời gian và cách trả nợ sẽ thực hiện tại giai đoạn thi hành án. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bị đơn thống nhất trả nợ cho nguyên đơn nhưng do bị đơn xin xét xử vắng mặt nên không thực hiện được thủ tục hòa giải thành mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Từ những phân tích nêu trên và xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử và phù hợp theo quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Cừ Văn S.

Buộc bị đơn ông Cừ Văn S phải trả cho Ngân hàng TMCP S số nợ gốc và lãi còn lại tính đến ngày 05/5/2021 là 31.373.794 đồng, trong đó: *Nợ gốc: 17.459.920 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 13.913.874 đồng (mười ba triệu chín trăm mười ba ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng)* và buộc ông Cừ Văn S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/5/2021 cho đến khi ông S trả dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Cừ Văn S phải chịu 1.568.689 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được nhận lại 451.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002322 ngày 20-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính là 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDQNK;
- THADSQNK;
- Các đs;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG